

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 24/02/2021
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lon

Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Phan Minh
Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 648/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12a/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như L - sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn P, xã X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Phú V - sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn P, xã X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như L trình bày: Bà và ông Phạm Phú V kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã X, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 05/12/2017. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Ông V không có trách nhiệm với vợ con, không phụ giúp kinh tế gia đình. Hiện tại bà và ông V không còn sống chung với nhau và không còn tình cảm với nhau nữa nên yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông V có 01 con chung tên Phạm Phú A, sinh ngày 11/5/2018, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Phạm Phú V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Như L và ông Phạm Phú V kết hôn năm 2017, được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 86 ngày 05/12/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông V là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông V vắng mặt, chứng tỏ ông V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật để tiến hành xét xử vắng mặt ông V. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Xét thấy bị đơn ông Phạm Phú V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Như L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Như L và ông Phạm Phú V kết hôn năm 2017, được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 86 ngày 05/12/2017. Hội đồng xét xử công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà L yêu cầu ly hôn vì cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Ông V không có trách nhiệm với vợ con, không phụ giúp kinh tế gia đình. Bà và ông V hiện tại đã không còn sống chung với nhau. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông V vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông V không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân với bà L.

Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông V và bà L đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn giữa ông V và bà L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

- Về con chung: Bà L và ông V có 01 con chung tên Phạm Phú A, sinh ngày 11/5/2018, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy cháu A hiện tại đang ở với bà L, do đó để đảm bảo

quyền lợi cho cháu A cần chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cháu A cho bà L tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và buộc ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Bà L chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Ông V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như L

- Bà Nguyễn Thị Như L được ly hôn ông Phạm Phú V.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Như L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Phú A, sinh ngày 11/5/2018 đến tuổi trưởng thành. Ông Phạm Phú V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Phạm Phú A đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Như L không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Như L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0009921 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà L đã nộp đủ án phí.

Ông Phạm Phú V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã N
(GCNKH 86/05.12.2017);
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hương